

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 17 - 6 - 2020.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Đình Nghệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Hoàng Vĩnh.

2. Bà Lê Kim Thủy.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXX-ST, ngày 25 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp Y, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Ông W, sinh năm 1962.

Địa chỉ: #1, chung cư H, CH, G, Korea (Hàn Quốc). (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà H trình bày: Bà và ông W có đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 11 năm 2010 ở Tổng lãnh sự quán Hàn Quốc tại thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, ông W bảo lãnh bà sang Hàn Quốc chung sống. Trong thời gian chung sống, bà và ông W phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về ngôn ngữ và

quan điểm trong cuộc sống. Do đó, đến năm 2012, bà trở về Việt Nam sinh sống cho đến nay hai bên vẫn liên lạc cho nhau; đến năm 2015 hai bên không có liên lạc với nhau nữa. Nay H yêu cầu được ly hôn với ông W.

Về con chung: Có 01 con chung tên Y, giới tính nữ, sinh ngày 23/02/2012. Hiện nay cháu Y đang chung sống cùng với bà, nay bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Y, không yêu cầu ông W phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông W, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho Tòa án Tối cao Hàn Quốc để tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự cho ông W, nhưng ông W vắng mặt và cũng không có gửi văn bản nêu Y kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà H đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho bà H được ly hôn với ông W theo quy định pháp luật; về con chung bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y, giới tính nữ, sinh ngày 23/02/2012; ông W không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng về tài sản chung và nợ chung, do đương sự khai không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà H, địa chỉ thường trú tại Ấp Y, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang, có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông W là người có quốc tịch Hàn Quốc và đang cư trú tại Hàn Quốc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

[2] Bị đơn ông W đã được Tòa án tiến hành thực hiện ủy thác tư pháp cho Tòa án Tối cao Hàn Quốc tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Ông W đã được triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành văn bản tố tụng của Tòa án và cũng không có gửi văn bản nêu Y kiến gì để phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 474, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông W. Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều

228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông W kết hôn vào ngày 25 tháng 11 năm 2010 tại Tổng lãnh sự quán Hàn Quốc tại thành phố Hồ Chí Minh nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp và được pháp luật Việt Nam thừa nhận.

Sau khi kết hôn, ông W làm thủ tục bảo lãnh H sang Hàn Quốc chung sống. Trong thời gian chung sống, H và ông W phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về ngôn ngữ, tính tình và quan điểm trong cuộc sống. Đến năm 2012, H trở về Việt Nam sinh sống và hai bên vẫn liên lạc cho nhau, đến năm 2015 thì hai bên không còn liên lạc với nhau. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông W không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho bà H được ly hôn với ông W là phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

[3.2] Về con chung: Bà H và ông W có 01 con chung tên Y, giới tính nữ, sinh ngày 23/02/2012, hiện H đang nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi ly thân và H trở về Việt Nam sinh sống cho đến nay, H trực tiếp nuôi cháu Y, phía ông W không tới lui thăm nom, chăm sóc con chung; do đó, H có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Y là phù hợp nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, do bà H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp: Bà H phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 470, Điều 474, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Thông tư số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự.

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 122 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông W.
2. Về con chung: Bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y, giới tính nữ, sinh ngày 23/02/2012; ông W không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho ông W không ai được quyền cản trở.
3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0020062 ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành án phí.
4. Lệ phí ủy thác tư pháp: Bà H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009017 ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành lệ phí ủy thác tư pháp.
5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Đình Nghệ**